TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-PT
Ngày: 09 -01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Bà Lê Thị Mỹ Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLPT- DS ngày 18 tháng 10 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2017/QĐ-PT ngày 12/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. *(Có mặt).*

Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Ái V, sinh năm 1976. *(Có mặt).*

Trú tại: Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Ái V: Ông Hà Văn H – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV số 1 Quảng Ngãi. *(Có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1970. *(Có mặt).*

Trú tại: Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Ái V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2016, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Giữa bà và bà Võ Thị Ái V, ông Hoàng Ngọc T cùng làm việc tại Trường Phổ thông Trung học T, thành phố Q. Hai bên có quan hệ vay mượn từ năm 2011 nhưng chỉ số tiền nhỏ. Đến năm 2015 và năm 2016, bà cho bà V vay tổng số tiền 750.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 08/11/2015 âm lịch, bà vay của bà Phan Thị Minh H (địa chỉ: Số 304 đường T, thành phố Q) 250.000.000 đồng, sau đó bà cho bà V vay lại số tiền trên, việc giao nhận tiền tại ngã ba B gần nhà bà H, bà V viết sẵn giấy mượn tiền sau đó đưa cho bà; mục đích vay theo bà V nói là vay giúp cho người em của ông Hoàng Ngọc T làm nhà máy nước khoáng.

- Ngày 07/3/2016 âm lịch, bà vay tiền của bà Lê Thị Đ (địa chỉ: số 64 đường T, thành phố Q) số tiền 200.000.000 đồng, tại đây bà cho bà V vay, giao cho bà V số tiền 200.000.000 đồng, mục đích bà V vay để đáo hạn ngân hàng.

- Ngày 02/5/2016 âm lịch, sau khi vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB Bank), bà cho bà V vay số tiền 300.000.000 đồng, bà V nói mượn giúp cho bà con, việc giao nhận tiền tại nhà của bà.

Trong các lần vay nêu trên, giữa bà và bà Võ Thị Ái V thỏa thuận (không lập văn bản) mức lãi suất của các khoản vay 4,5%/tháng, sau đó bà V nói để trả thêm lãi nên bà V tự tính lãi 6%/tháng. Sau khi vay, bà V đã chuyển khoản cho bà để trả lãi và gốc cụ thể như sau: Ngày 05/7/2016 chuyển khoản 18.000.000 đồng để trả lãi (trả lãi 1 tháng) khoản vay 300.000.000 đồng, ngày 11/7/2016 chuyển khoản 15.000.000 đồng và ngày 11/8/2016 chuyển khoản 15.000.000 đồng để trả lãi khoản vay 250.000.000 đồng, ngày 23/6/2016 chuyển 10.000.000 đồng và ngày 29/7/2016 chuyển khoản 10.000.000 đồng trả lãi khoản vay 200.000.000 đồng, ngày 08/12/2016 chuyển 3.000.000 đồng trả nợ gốc. Số tiền lãi nêu trên là trả lãi

trong 1 tháng chứ không phải 10 ngày và 15 ngày như bà V trình bày. Riêng hai khoản tiền 53.000.000 đồng bà V chuyển khoản vào ngày 22/9/2014 và 18.000.000 đồng bà V chuyển khoản vào ngày 04/4/2016 là các khoản tiền vay trước đây, không liên quan gì đến các khoản vay mà bà khởi kiện. Trong quá trình vay, bà V không trả lãi đúng hẹn, hết thời hạn vay, bà V không trả nợ gốc cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà V trả nợ.

Khi bà cho bà V vay tiền, bà có liên hệ với ông Hoàng Ngọc T là chồng bà V qua số điện thoại 0982755860 để báo cho ông T biết việc bà V vay tiền, ông T đồng ý.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Ái V, ông Hoàng Ngọc T trả cho bà nợ gốc 747.000.000đồng và nợ lãi tính tới ngày 22/12/2016 là 83.062.500 đồng và bà V, ông T phải tiếp tục trả lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị Ái V, đồng thời bà V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Ngọc T trình bày:

Về mối quan hệ giữa vợ chồng bà và bà Nguyễn Thị T đúng như bà T đã trình bày. Giữa bà và bà Nguyễn Thị T có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2012 thể hiện trong biên bản họp giải quyết khiếu nại của Trường Trung học Phổ thông T. Các giấy mượn tiền do bà T giao nộp cho Tòa án là do bà viết. Các khoản vay do bà T khởi kiện là vay từ năm 2012, bà đã thanh toán xong, sau đó bà tiếp tục vay bà T, cụ thể:

- Ngày 08/11/2015 âm lịch bà vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng, bà T hẹn bà đến tại ngã ba B để nhận tiền, bà viết sẵn giấy mượn tiền từ trước, khi đến ngã ba B bà T đưa tiền cho bà, bà đưa giấy mượn tiền cho bà T.

- Ngày 07/3/2016 bà vay bà T 200.000.000 đồng, việc giao nhận tiền và viết giấy tại nhà bà Lê Thị Đ.

- Ngày 02/5/2016 âm lịch bà vay bà T số tiền 300.000.000 đồng, giao nhận tiền tại trường.

Mục đích bà mượn tiền của bà T là để trả nợ cho người khác, vì năm 1999 bà mượn tiền của nhiều người cho người bạn để xin việc, sau đó người này bị ung thư chết, không thu hồi được nợ nên số tiền nợ của bà ngày càng tăng lên.

Khi vay tiền giữa bà và bà T thỏa thuận miệng, lãi suất 6%/tháng, tính trên thời hạn ghi trong giấy mượn tiền. Sau khi vay, bà đã trả đầy đủ lãi cho bà T, mỗi tháng bà trả cho bà T 78.000.000 đồng, chủ yếu đưa tiền mặt trực tiếp cho bà T và chuyển khoản, cụ thể bà đã chuyển khoản cho bà T ngày 05/7/2016 chuyển khoản

18.000.000 đồng để trả lãi (trả lãi 1 tháng) khoản vay 300.000.000 đồng, ngày 11/7/2016 chuyển khoản 15.000.000 đồng và ngày 11/8/2016 chuyển 15.000.000 đồng để trả lãi (trả lãi 15 ngày) cho khoản vay 250.000.000 đồng, ngày 23/6/2016 chuyển 10.000.000 đồng trả lãi (trả lãi 10 ngày) và ngày 29/7/2016 chuyển khoản 10.000.000 đồng để trả lãi (trả lãi 10 ngày từ ngày 17 đến 27/7/2016) cho khoản vay 200.000.000 đồng, ngày 08/12/2016 chuyển 3.000.000 đồng trả nợ gốc. Tổng cộng tiền lãi mà bà đã trả cho bà T bằng tiền mặt và chuyển khoản cho cả 03 khoản vay trên từ khi vay đến tháng 9/2016 âm lịch là 720.000.000 đồng.

Riêng số tiền 53.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 22/9/2014 và số tiền 18.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 04/4/2016 là tiền lãi của 03 khoản vay từ năm 2012 mà bà đã thanh toán xong cho bà T, không liên quan đến 03 khoản vay mà bà T khởi kiện.

Việc bà vay mượn tiền của bà T thì ông T không biết; bà có sử dụng số thuê bao 0982755860 để nhắn tin cho bà T, tuy nhiên nội dung của tin nhắn không liên quan gì đến việc vay tiền.

Bà không đồng ý trả lãi cho bà T vì đã trả lãi cho bà T nhiều rồi. Bà yêu cầu tính lại số tiền lãi bà đã trả cho bà T theo mức lãi suất do pháp luật quy định, số tiền lãi vượt so với quy định của pháp luật được trừ vào số tiền nợ gốc mà bà còn nợ bà T, nếu còn thiếu thì bà tiếp tục trả.

Tại các bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc T trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T vì ông không mượn tiền bà T và không ký vào giấy mượn tiền. Việc vay mượn tiền của bà V với bà T ông không biết, bà V là người nhắn tin cho bà T chứ ông không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Võ Thị Ái V, ông Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 767.546.750 đồng, trong đó tiền nợ gốc 747.000.000 đồng, tiền nợ lãi 20.546.750đ đồng.

- Bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 01/8/2017, bị đơn là bà Võ Thị Ái V có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vì người trả nợ cho bà T và án phí là một mình bà chứ không liên quan đến ông T. Tính lại khoản tiền nợ gốc và tiền lãi đến thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử và không đồng ý tiếp tục trả lãi về sau cho bà Nguyễn Thị T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T khai về 03 khoản cho bà V vay: Số tiền vay 250.000.000 đồng ngày 08/11/2015 mục đích bà V nói là vay giúp cho em ông T làm nhà máy nước khoáng, số tiền vay 200.000.000 đồng bà V vay ngày 07/3/2016 là để bà V đáo hạn Ngân hàng và số tiền 300.000.000 đồng bà V vay ngày 02/5/2016 là để giúp cho bà con. Như vậy, bà V vay tiền của bà T là để sử dụng riêng, không phải sử dụng chung cho cuộc sống gia đình. Bản án sơ thẩm buộc ông T phải có nghĩa vụ trả khoản nợ vay chung với bà T là không đúng pháp luật.

Bà V khai đã trả tiền lãi cho bà T gồm tiền mặt và tiền chuyển khoản tổng cộng là 720.000.000 đồng. Tuy nhiên, về tiền mặt bà V khai không có căn cứ chứng minh nên không chấp nhận. Về tiền chuyển khoản bà T khai bà V đã trả 68.000.000 đồng tiền lãi, còn số tiền 18.000.000 đồng bà V chuyển khoản vào ngày 04/4/2016 bà T khai là trả cho lần vay trước, tại phiên tòa phúc thẩm bà V khai trả cho 3 lần vay đang tranh chấp. Xét bà V chuyển khoản cho bà T 18.000.000 đồng vào ngày 04/4/2016 là trả sau lần vay 200.000.000 đồng nên phải trừ vào tiền lãi đã trả cho bà V. Tổng số tiền lãi bà V đã trả là 86.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà V về việc không buộc ông T cùng trả nợ chung với bà V và tiền lãi bà V đã trả cho bà T là 86.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị Ái V trình bày ý kiến:

Lãi suất bà T và bà V thỏa thuận là 6%/tháng. Bà V đã chuyển khoản cho bà T và trả lãi bằng tiền mặt (bà T đã công nhận theo biên bản cuộc họp tại Trường T

ngày 01/12/2016) tổng cộng là 720.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà V đã phải trả lãi suất quá cao, không đúng với quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định, nên yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 9%/năm. Số tiền lãi trả vượt đề nghị trừ vào tiền gốc 747.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu tiền gốc thì bà V sẽ trả cho bà T.

Trong các lần vay, bà V đều vay cho cá nhân, không dùng chi tiêu trong gia đình, bản án sơ thẩm buộc ông T phải trả nợ chung với bà V là không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo nhận định trên của luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[I] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tính lại cho bà tiền lãi, số lãi đã trả quá cao cho bà T được trừ vào tiền gốc. Không buộc ông T cùng trả nợ với bà cho bà T.

[II] Về nội dung:

[2.1] Bà V kháng cáo cho rằng bà đã trả tiền lãi bao gồm tiền chuyển khoản và tiền mặt tính từ khi vay đến tháng 9/2016 âm lịch cho bà T tổng số tiền 720.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi chuyển khoản là 139.000.000 đồng (trong đó có hai lần, một lần chuyển 53.000.000 đồng ngày 22/9/2014 và một lần chuyển 18.000.000 đồng ngày 04/4/2016 là trả các khoản nợ trước nhưng vẫn liên quan đến khoản nợ sau), còn lại là trả bằng tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì vì bà tin tưởng bà T. Theo lời khai của hai bên thì việc chuyển khoản trả tiền lãi của bà V cho bà T gồm các lần sau:

- Ngày 05/7/2016 chuyển khoản 18.000.000 đồng là trả cho khoản vay 300.000.000 đồng.

- Ngày 11/7/2016 và ngày 11/8/2016 mỗi lần chuyển khoản 15.000.000 đồng là trả cho khoản vay 250.000.000 đồng.

- Ngày 23/6/2016 và ngày 29/7/2016 mỗi lần chuyển khoản 10.000.000 đồng là trả cho khoản vay 200.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi đã trả theo chuyển khoản là 68.000.000 đồng.

Riêng số tiền chuyển khoản 53.000.000 đồng cho bà T ngày 22/9/2014 và số tiền 18.000.000đồng chuyển khoản ngày 04/4/2016, bà T khai là trả cho các khoản vay trước, bà V đồng ý trả cho các khoản vay trước nhưng vẫn liên quan đến số tiền vay vào các ngày 08/11/2015 (vay 250.000.000đồng), ngày 07/3/2016 (vay 200.000.000đồng) và ngày 02/5/2016 (vay 300.000.000đồng). Xét lần trả 18.000.000đồng tiền lãi ngày 04/4/2016 là sau ngày bà T cho bà V vay 250.000.000đồng ngày 08/11/2015 và 200.000.000 đồng ngày 07/3/2016, do đó cần xác định khoản tiền lãi này vào số lãi đã trả cho số tiền vay gốc 750.000.000đồng, do đó tiền lãi bà V đã trả bằng chuyển khoản cho bà T là 86.000.000đồng. Số tiền mặt còn lại 634.000.000đồng (720.000.000đồng - 86.000.000đồng) bà V khai trả cho bà T nhưng hai bên không viết giấy giấy tờ gì, bà T không thừa nhận đã nhận tiền mặt, như bà V khai, do đó không có cơ sở chấp nhận lời khai của bà V về đã trả bằng tiền mặt cho bà T.

[2.2] Do hai bên tranh chấp với nhau về tiền lãi, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được áp dụng tại thời điểm trả nợ là 9%/năm là phù hợp. Tiền lãi phải trả cho 03 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2017 là 88.546.750 đồng, bà V đã trả 86.000.000đồng, nên bà V còn phải trả tiếp là 2.546.750 đồng tiền lãi cho bà T.

Do đó, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về buộc bà V trả cho bà T 747.000.000đồng tiền gốc. Sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi phải trả.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà V về việc người trả nợ cho bà T và chịu án phí dân sự là cá nhân bà chịu chứ không liên quan đến ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc T đã thừa nhận đoạn ghi âm bà T gặp ông T ngày 27/102016 tại nhà mẹ của bà V, tại đây ông T đã đồng ý vợ chồng cùng trả nợ cho vợ chồng bà T. Mặt khác, bà V không chứng minh được việc vay tiền của bà T sử dụng vào mục đích riêng. Ngoài ra, tại giai đoạn sơ thẩm ông T ủy quyền cho bà V tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm bà V có mặt, sau khi có bản án sơ thẩm chỉ có bà V kháng cáo, ông T không kháng cáo, nên phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ chung với bà V đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà V về việc không buộc ông T trả nợ chung với bà, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc buộc ông T phải trả chung với bà V là có căn cứ.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Ái V và ông Hoàng Ngọc T phải liên đới chịu án phí đối với số tiền gốc và lãi phải trả cho bà T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: [(747.000.000 đồng + 2.546.750 đồng) x 5%] = 37.477.337 đồng.

- Cấp sơ thẩm không buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Nên phải buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [(83.062.500 đồng - 2.546.750 đồng) x 5%] = 4.025.787 đồng đối với tiền lãi không được chấp nhận.

Bà V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận một phần.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Võ Thị Ái V là bị đơn trong vụ án.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn bà Võ Thị Ái V.

Buộc bà Võ Thị Ái V và ông Hoàng Ngọc T phải trả cho bà Nguyễn Thị T tiền gốc 747.000.000đồng và tiền lãi là 2.546.750đồng. Tổng cộng là: 749.546.750đồng. *(Bảy trăm bốn chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, bảy trăm năm mươi đồng)*.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà V và ông T phải liên đới chịu là 37.477.337đồng. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004924 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà V và ông T còn phải nộp 37.177.337đồng. *(Ba mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng)*

Bà T phải chịu án phí là 4.025.787đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng bà đã nộp là 9.247.750 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002653, ngày 02/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, còn lại hoàn trả cho bà T là 5.221.963đồng. *(Năm triệu, hai trăm hai mươi hai mươi mốt ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Minh Tiến